

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**



BÀI VIẾT

**“PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG GẠO
THÁNG 9 VÀ 9 THÁNG NĂM 2024”**

(Thực hiện nhiệm vụ “Cung cấp thông tin phân tích và dự báo thị trường nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiêu thụ nông sản trong nước” năm 2024)

BÀI VIẾT

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG GẠO

(Tháng 9 và 9 tháng năm 2024)

I. NGUỒN CUNG

- Tình hình sản xuất

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT), tính đến hết tháng 8/2024, cả nước đã gieo cấy được gần 6,6 triệu ha lúa; thu hoạch ước đạt 4,45 triệu ha; sản lượng thu hoạch ước đạt hơn 28,7 triệu tấn, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Con bão số 3 (bão Yagi) đã khiến 190.358 ha lúa bị ngập úng, thiệt hại.

Dù vừa gạo xuất khẩu nằm tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tuy nhiên, thiệt hại nặng nề từ cơn bão số 3, lũ lụt đang diễn ra ở các tỉnh phía Bắc có thể ảnh hưởng đến sản xuất lúa gạo Việt Nam.

Đến ngày 12/9, theo số liệu của Cục Trồng trọt - Bộ NN & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã thu hoạch vụ Hè Thu 2024 được 1,249 triệu ha/1,469 triệu ha với năng suất khoảng 59,93 tạ/ha, sản lượng đạt 7,483 triệu tấn lúa.

Hiện nhiều tỉnh Nam Bộ đang khẩn trương hỗ trợ nông dân thu hoạch dứt điểm lúa vụ Hè Thu trước tình hình mưa dông được dự báo vẫn còn kéo dài và triều cường đang dâng cao; đồng thời sớm dứt điểm gieo cấy vụ Thu Đông.

Vụ Thu Đông 2024 đã xuống giống được 597.000 ha/700.000 ha diện tích kế hoạch; cùng với đó các địa phương đã bắt đầu thu hoạch được 28.000 ha.

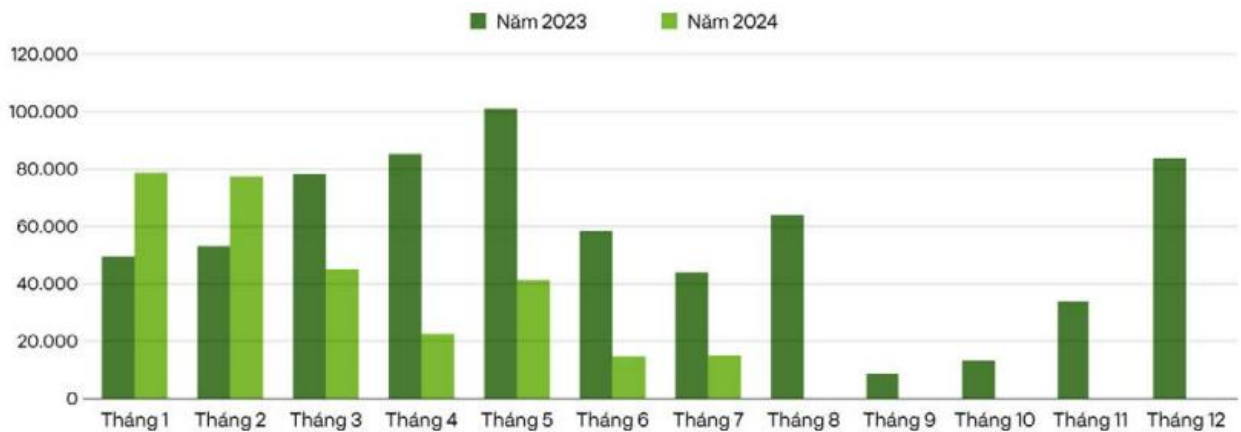
Vừa qua, Bộ NN&PTNT tổ chức Sơ kết 7 mô hình thí điểm Đề án Phát triển bền vững một triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Các mô hình đều cho sản lượng cao hơn ngoài mô hình. Mô hình cũng đã chứng minh giảm chi phí sản xuất từ 20 - 30%, tăng lợi nhuận cho nông dân, giảm phát thải khí nhà kính.

- Tình hình nhập khẩu

Theo số liệu của Bộ Thương mại Ấn Độ, Việt Nam đã nhập khẩu 14.946 tấn gạo từ Ấn Độ trong tháng 7, tăng 1,5% so với tháng trước nhưng giảm 66,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tính chung 7 tháng đầu năm, nhập khẩu gạo của Việt Nam từ Ấn Độ giảm 30,8% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 294.788 tấn

Biểu đồ 1: Nhập khẩu gạo của Việt Nam từ Ấn Độ năm 2023-2024



Nguồn: Hải quan Ấn Độ

II. TIÊU THỤ

- Tiêu thụ trong nước

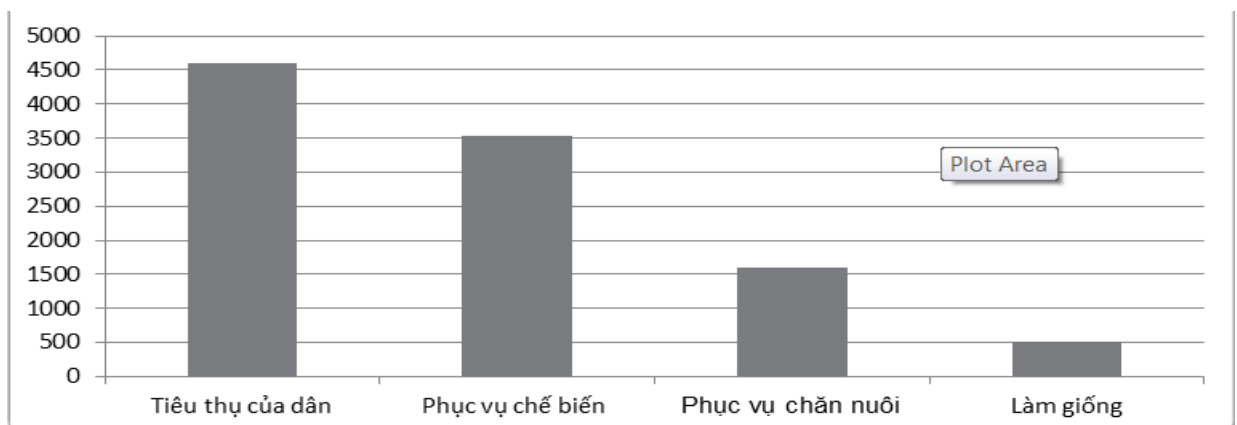
Theo Bộ NN&PTNT, tổng diện tích lúa cả nước năm 2024 khoảng 7,1 triệu ha. Với năng suất trung bình đạt 60,7 tạ/ha, sản lượng ước đạt trên 43,1 triệu tấn thóc, tăng khoảng trên 452.000 tấn so với năm 2023 (tương đương 27 – 28 triệu tấn gạo).

Trong khi, nhu cầu tiêu thụ lúa gạo trong nước khoảng 29 triệu tấn thóc và lượng xuất khẩu gạo của Việt Nam năm 2024 ước trên 7,5 - 8 triệu tấn (tương đương khoảng 14 triệu tấn thóc). Do đó cân đối nguồn cung lúa gạo hoàn toàn đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Trong tổng số 29 triệu tấn thóc thì tiêu thụ của dân là khoảng gần 12 triệu tấn, phục vụ chế biến là hơn 9,5 triệu tấn, phục vụ chăn nuôi là 4 triệu tấn và còn lại làm giống.

Biểu đồ 2: Dự báo tiêu thụ gạo trong nước quý II-2024

ĐVT: tấn



Nguồn: Bộ NN & PTNT

- Tình hình xuất khẩu

Trong tháng 8/2024, Việt Nam đã xuất khẩu hơn 850.000 tấn gạo, trị giá gần 510 triệu USD. Tính chung trong 8 tháng năm 2024, Việt Nam đã xuất khẩu tổng cộng 6,15 triệu tấn gạo với giá trị gần 3,85 tỷ USD với giá trung bình 625,89 USD/tấn, tăng 5,79% về lượng và 21,73% về giá trị, tăng và 15,07 về giá so với cùng kỳ năm 2023, tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu tại thị trường Đông Nam Á.

Xuất gạo của Việt Nam sang thị trường lớn như Philippin, Indonesia, Malaysia... đều tăng so với cùng kỳ năm ngoái; tuy nhiên, Ghana, Bờ Biển Ngà, Trung Quốc, Singapore lại giảm đáng kể.

Tính chung 8 tháng đầu năm, Philippines tiếp tục là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam, chiếm 45,6% trong tổng lượng và 44,6% tổng trị giá xuất khẩu, với khối lượng đạt 2,8 triệu tấn, trị giá 1,7 tỷ USD, tăng 19,7% về lượng và tăng 39,8% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo xuất khẩu sang thị trường này đạt bình quân 611 USD/tấn, tăng 16,7%.

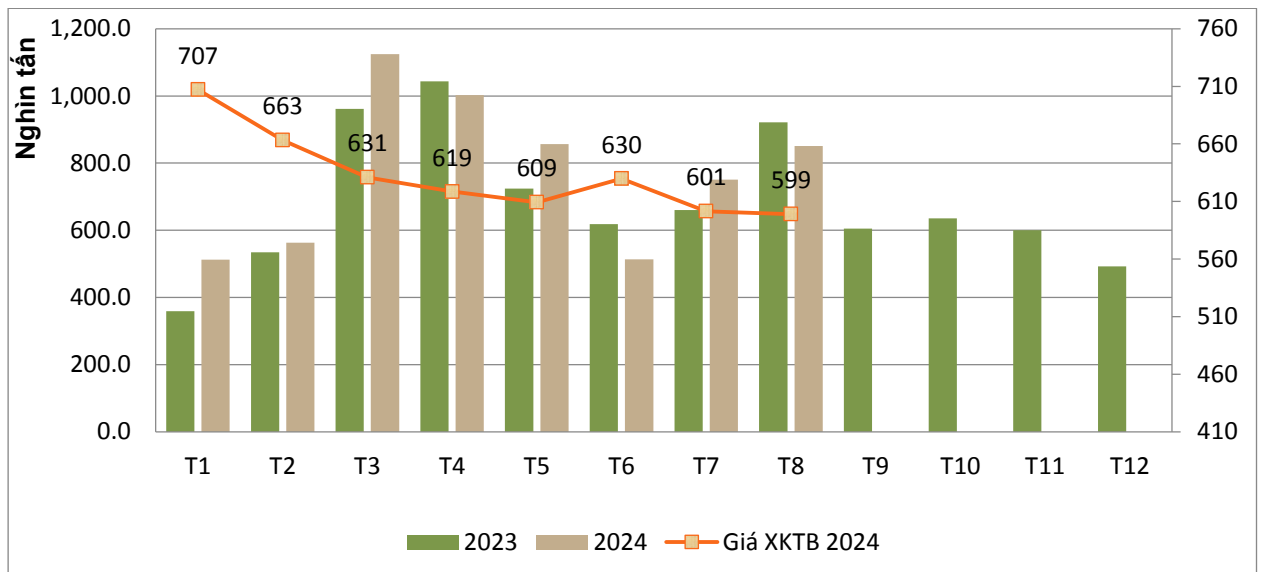
Tiếp đến là Indonesia, xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 8 tháng đầu năm đạt 913.888 tấn, trị giá 557,8 triệu USD, tăng 27,3% về lượng và tăng 54,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm 14,9% trong tổng lượng và 14,5% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam. Giá gạo xuất khẩu sang Indonesia tăng 21,3%, đạt bình quân 610 USD/tấn.

Đứng thứ ba là Malaysia, đạt 582.872 tấn, tương đương 345,94 triệu USD, giá trung bình 594 USD/tấn, tăng mạnh 2,1 lần về lượng, 2,5 lần về trị giá và 19,3% về giá so với cùng kỳ, chiếm 9,5% trong tổng lượng và 9% tổng trị giá xuất khẩu gạo của cả nước. Ngoài ba thị trường kể trên, lượng gạo xuất khẩu sang thị trường Singapore cũng tăng mạnh 22% trong 8 tháng; Mozambique tăng 21,7%; Ả Rập Xê út tăng 29,9%...

Đặc biệt, Ukraine tăng gần 41 lần về lượng và hơn 35 lần về trị giá so với cùng kỳ, đạt 10.679 tấn, trị giá 6,8 triệu USD. Ngược lại, lượng gạo xuất khẩu sang thị trường Ghana giảm 19,5%, Bờ Biển Ngà giảm 14,2, Trung Quốc giảm 70,2%, Campuchia giảm 4,4%...

Biểu đồ 3: Lượng và giá xuất khẩu gạo theo tháng năm 2023 – 2024

ĐVT: nghìn tấn; USD/tấn



Nguồn: VITIC tính toán từ số liệu của TCHQ

Bảng 1: Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 8 và 8 tháng năm 2024

Thị trường	Lượng (tấn)	Trị giá (ngàn USD)	Lượng so với T8/2023 (%)	Trị giá so với T8/2023 (%)	Lượng 8T/2024 (tấn)	Trị giá 8T/2024 (ngàn USD)	Lượng 8T/2024 so với 8T/2023 (%)	Trị giá 8T/2024 so với 8T/2023 (%)
Tổng chung	851.079	509.818	-7,56	-6,62	6.150.369	3.849.479	5,79	21,73
Philippines	497.266	294.589	21,6	20,9	2.807.508	1.715.483	19,74	39,75
Indonesia	135.196	76.081	17,13	23,01	913.888	557.771	27,27	54,4
Malaysia	53.142	31.757	20,82	36,88	582.872	345.936	111,98	152,93
Bờ Biển Ngà	33.427	18.308	-9,38	-15,09	294.806	178.506	-14,23	1,35
Mozambique	11.650	7.504	8,91	14,04	70.560	48.021	21,71	44,71
Singapore	10.811	7.005	-41,92	-39,57	114.944	75.017	22,02	35,31
Ghana	9.689	6.765	-90,26	-89,11	340.122	235.302	-19,52	-4,35
Trung Quốc	10.859	6.380	-83,9	-83,48	234.272	137.216	-70,2	-69,65
Australia	5.595	4.333	9,11	18,33	26.212	20.978	11,89	24,18
Hồng Kông (TQ)	5.657	3.860	-22,05	-11,7	33.292	23.083	-32,11	-20,33
Campuchia	5.499	3.500	-18,41	-11,11	39.052	25.192	-4,39	-0,33
Các TVQ Ả Rập TN	3.194	2.279	-15,59	-7,78	36.961	26.873	8,64	25,3

“Cung cấp thông tin phân tích và dự báo thị trường nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiêu thụ nông sản trong nước giai đoạn năm 2024”

Thị trường	Lượng (tấn)	Trị giá (ngàn USD)	Lượng so với T8/2023 (%)	Trị giá so với T8/2023	Lượng 8T/2024 (tấn)	Trị giá 8T/2024 (ngàn USD)	Lượng 8T/2024 so với 8T/2023 (%)	Trị giá 8T/2024 so với 8T/2023 (%)
Hoa Kỳ	2.502	2.131	-25,34	-23,47	19.392	17.084	-15,21	-0,85
Ả Rập Xê Út	2.115	1.642	-30,54	-21,42	28.311	21.457	29,86	50,13
Nga	1.505	960	240,5	219,01	7.932	5.653	78,81	106,48
Ba Lan	1.060	901	-54,31	-42,87	7.977	6.072	-26,84	-14,92
Đài Loan (TQ)	1.461	891	-32,55	-31,43	12.861	8.131	-53,11	-45,74
Hà Lan	530	492	-50,05	-39,46	7.979	6.883	-20,73	-0,84
Nam Phi	663	458	-25,17	-27,75	5.492	4.063	-12,44	-1,73
Bỉ	666	441	26,86	59,18	941	583	-79,74	-75,21
Chile	201	146	272,22	216,16	1.359	854	-80,92	-74,05
Pháp	140	144	-49,28	-37,25	2.870	2.389	11,37	24,44
Senegal	205	140			1.677	1.201	-85,92	-75,99
Angola	222	124	-16,85	3,17	1.043	851	-6,54	43,86
Tây Ban Nha	64	51	-71,04	-68,55	1.497	1.223	-53	-48,07
Bangladesh	55	38	-47,62	-50,8	389	303	-25,76	-23,81
Ukraine		-			10.679	6.816	3960,46	3429,1
Brunây		-			65	62	-76,95	-58,06
Thổ Nhĩ Kỳ	-	-100	-100		14.569	9.307	-64,44	-63,64
Algeria		-			81	52		
Iraq		-			152	132	-53,23	-37,72
CH Tanzania		-	-100	-100	5.455	3.992	-59,07	-54,14

Nguồn: VITIC tổng hợp từ số liệu TCHQ

III. DIỄN BIẾN GIÁ

Tháng qua, giá lúa gạo tăng giảm trái chiều tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, giá lúa giảm 100 – 200 đồng/kg trong khi giá gạo tăng từ 200 - 350 đồng/kg so với cùng kỳ tháng trước. Thị trường giao dịch ổn định.

Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) cho thấy, tính đến đầu tháng 9 giá lúa tại ruộng đạt 7.396 đồng/kg, giảm 86 đồng/kg so với tháng trước; giá lúa thương tại kho cũng giảm 117 đồng/kg, xuống còn 9.000 đồng/kg. Tương tự, giá gạo và cám xát cũng

giảm từ 400 - 500 đồng/kg trong tháng qua. Như vậy, mặt bằng giá lúa gạo hiện nay đã giảm từ 1.500 – 2.396 đồng/kg so với hồi đầu năm và thấp hơn từ 200 – 750 đồng/kg so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang, giá gạo nguyên liệu IR 504 Hè Thu giao dịch ở mức 10.650 - 10.750 đồng/kg. Trong khi đó, gạo thành phẩm IR 504 quanh mức 13.000 - 13.200 đồng/kg.

Tại các chợ lẻ, giá gạo không có sự điều chỉnh. Hiện gạo Nàng Nhen có giá niêm yết cao nhất 28.000 đồng/kg; gạo Jasmine 18.000 - 20.000 đồng/kg; gạo Nàng hoa 20.000 đồng/kg; gạo tẻ thường dao động quanh mốc 15.000 - 16.000 đồng/kg; thơm thái hạt dài 20.000 - 21.000 đồng/kg; gạo Hương lài 18.000 đồng/kg; gạo thơm Đài Loan 21.000 đồng/kg; gạo trắng thông dụng 17.000 đồng/kg; gạo Sóc thường 18.000 - 18.500 đồng/kg; gạo Sóc Thái giá 21.000 đồng/kg; gạo Nhật giá 22.000 đồng/kg.

Với mặt hàng lúa, giá lúa IR 50404 ở mức 7.300 - 7.500 đồng/kg; Lúa Đài thơm 8 ở mức giá 8.000 - 8.200 đồng/kg, Lúa OM 5451 ở mức 7.600 - 7.900 đồng/kg; Lúa OM 18 có giá 7.800 - 8.000 đồng/kg; OM 380 dao động 7.600 - 7.800 đồng/kg; Lúa Nhật ở mốc 7.800 - 8.000 đồng/kg và lúa Nàng Nhen (khô) ở mức 20.000 đồng/kg.

Bên cạnh đó, thị trường nếp ổn định. Nếp Long An IR 4625 (khô) 9.700 - 9.900 đồng/kg duy trì đi ngang so với ngày hôm qua. Nếp Long An 3 tháng (khô) 9.800 - 10.000 đồng/kg.

Bảng 2: Giá lúa gạo trong nước trong nước tháng 09/2024

DVT: đ/kg

Chủng loại	Ngày 05/09/2024	Ngày 11/09/2024	Ngày 19/09/2024	Ngày 27/09/2024
Gạo nguyên liệu IR 504	10.800 - 10.900	10.700 - 10.800	10.700 - 10.800	10.450 - 10.600
Gạo thành phẩm IR 504	13.200 - 13.500	13.000 - 13.200	13.000 - 13.100	12.800 - 13.000
Tấm 1 IR 504	8.700 - 8.800	8.600 - 8.800	8.600 - 8.800	9.600 - 9.700
Cám vàng	6.500 - 6.650	6.450 - 6.650	6.000 - 6.200	6.000 - 6.050

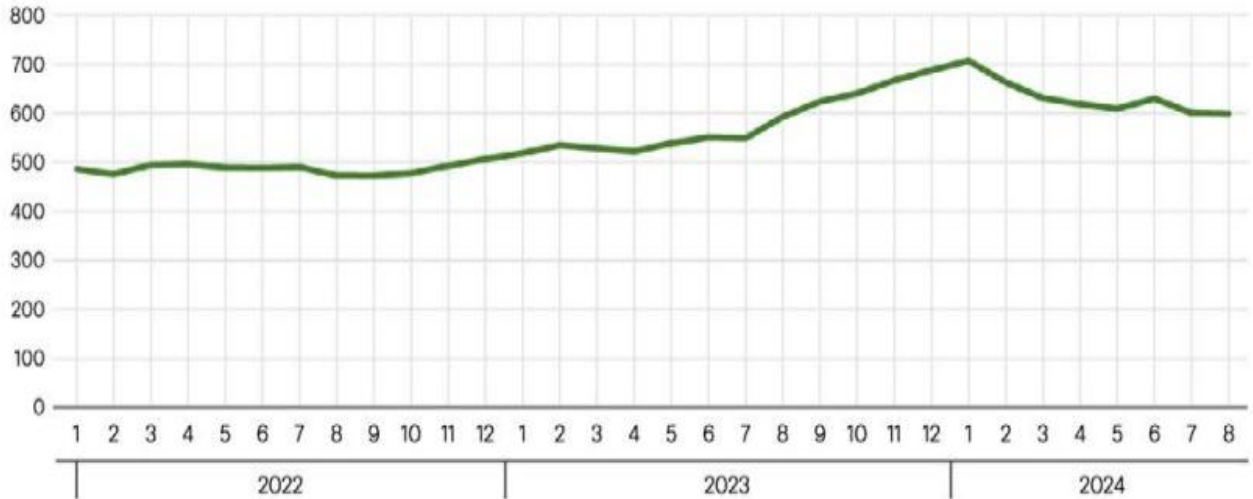
Nguồn: Hiệp hội Lương thực Việt Nam

Giá gạo xuất khẩu bình quân trong tháng 8 giảm nhẹ 2 USD/tấn so với tháng trước, nhưng tăng 6 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 599 USD/tấn.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, giá xuất khẩu gạo đạt bình quân 626 USD/tấn, tăng 15,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Sau khi tăng vào tháng trước, giá lúa gạo trong nước đã có sự điều chỉnh giảm trở lại trong tháng vừa qua.

Biểu đồ 4: Diễn biến giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam qua các tháng từ năm 2022-2024

Đơn vị: USD/tấn



Nguồn: Tổng cục Hải quan

III. DỰ BÁO, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Với việc Ấn Độ, nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, đang có những động thái nới lỏng các hạn chế xuất khẩu gạo, có thể khiến giá gạo trong nước có thể chịu áp lực giảm trong thời gian tới. Mặc dù có những lo ngại về việc Ấn Độ nới lỏng các hoạt động hạn chế xuất khẩu gạo và kéo giá gạo giảm trở lại, nhưng xuất khẩu gạo của Việt Nam vẫn kỳ vọng sẽ có thể mang về kim ngạch kỷ lục khoảng 5 tỷ USD trong năm nay. Xu hướng tăng nhập khẩu gạo của nhiều thị trường lớn, truyền thống của Việt Nam, như Indonesia, Philippines, Singapore... nhằm phục vụ cho tiêu dùng nội địa là động lực tăng trưởng quan trọng cho hoạt động xuất khẩu gạo những tháng cuối năm nay.

Indonesia, thị trường nhập khẩu gạo lớn thứ 2 của Việt Nam, vừa công bố mời thầu 450.000 tấn gạo, yêu cầu nhận hàng trong tháng 10 và 11. Trong năm nay, Indonesia có thể nhập khẩu đến 4,3 triệu tấn gạo thay vì 3,6 triệu tấn như thông báo từ đầu năm 2024. Lý do là, sản lượng gạo mà quốc gia này sản xuất từ đầu năm đến tháng 8/2024 thấp hơn 9,5% so với cùng kỳ năm 2023.

Trong khi đó, thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới là Philippines cũng hạ thuế suất và dự kiến tăng lượng gạo nhập khẩu từ 4,2 triệu tấn lên 4,5 - 4,7 triệu tấn trong năm 2024. Hiện Việt Nam đang là nguồn cung gạo lớn nhất cho thị trường này,

chiếm khoảng 78% thị phần. Động thái tăng sản lượng nhập khẩu của Indonesia và Philippines sẽ tác động tích cực đến xuất khẩu gạo Việt Nam, bởi đây là 2 thị trường mua nhiều gạo nhất của nước ta. Bên cạnh đó nguồn cung gạo để xuất khẩu từ nay đến cuối năm không còn nhiều khiến giá gạo có thể duy trì ở mức cao.

Để hỗ trợ xuất khẩu gạo, nhiều hoạt động giao thương, quảng bá sản phẩm, thương hiệu gạo Việt Nam, các hoạt động xúc tiến thương mại đã và đang được triển khai để khai thác hiệu quả lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do.

MỤC LỤC

I. NGUỒN CUNG.....	1
- Tình hình sản xuất.....	1
- Tình hình nhập khẩu.....	1
II. TIÊU THỤ.....	2
III. DIỄN BIẾN GIÁ.....	5
IV. DỰ BÁO, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	7